

Số: **308/2022/QĐST-HNGĐ**

*Quận H, ngày 30 tháng 5 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 267/2021/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Diệu T**; sinh năm 1988

HKTT và nơi cư trú: Số 22 hẻm 34/232/18 phố V, phường V, quận H, thành phố H.

- **Bị đơn: Anh Trần Tiến Đ**; sinh năm 1976

HKTT và nơi cư trú: Số 22 hẻm 34/232/18 phố V, phường V, quận H, thành phố H.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Diệu T và anh Trần Tiến Đ.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Diệu T và anh Trần Tiến Đ cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Diệu T và anh Trần Tiến Đ cùng xác nhận có một con chung là Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/9/2013. Anh chị thỏa thuận khi ly hôn chị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Chị T và anh Đ xác nhận không vay nợ chung của ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.5. Về án phí: Anh chị thỏa thuận chị T tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo Biên lai số 0012438 ngày 10/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **\* Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND phường V, quận H, H (số 220, quyền 02 ngày 23 tháng 10 năm 2012 );
- VKSND quận H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Lương Thị Thu H**

